

Ngày 31/03/2025	35,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.4%	1.4%	7.7%

2024	
ROE	11.0%
	+/- YoY ▼ 3.2%

Q1/25			
DT thuần	52.5	QoQ ▼ 63.5 ▼ 54.8%	YoY ▼ 16.0 ▼ 23.4%
	tỷ VNĐ		

2024	
DT thuần	388
	YoY ▲ 86.0 ▲ 28.5%
	tỷ VNĐ

Q1/25			
LN gộp	14.8	QoQ ▼ 15.7 ▼ 51.6%	YoY ▼ 5.20 ▼ 26.2%
	tỷ VNĐ		

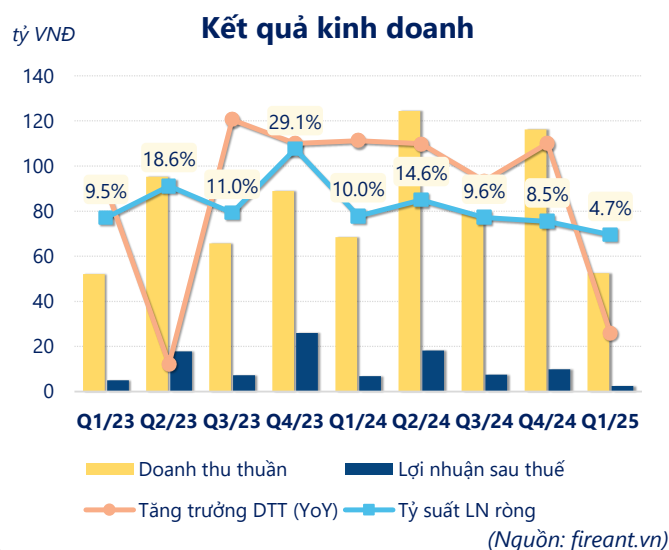
2024	
LN gộp	111
	YoY ▲ 12.2 ▲ 12.5%
	tỷ VNĐ

Q1/25			
LN thuần	3.14	QoQ ▼ 9.66 ▼ 75.5%	YoY ▼ 5.21 ▼ 62.4%
	tỷ VNĐ		

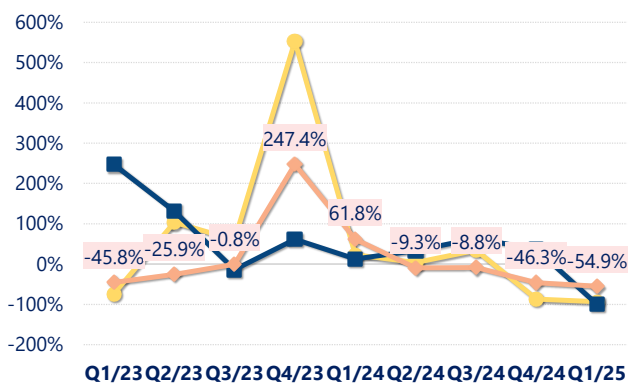
2024	
LN thuần	52.7
	YoY ▼ 2.70 ▼ 4.8%
	tỷ VNĐ

Q1/25			
LN sau thuế	2.46	QoQ ▼ 7.46 ▼ 75.2%	YoY ▼ 4.40 ▼ 64.1%
	tỷ VNĐ		

2024	
LN sau thuế	42.5
	YoY ▼ 12.2 ▼ 22.3%
	tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

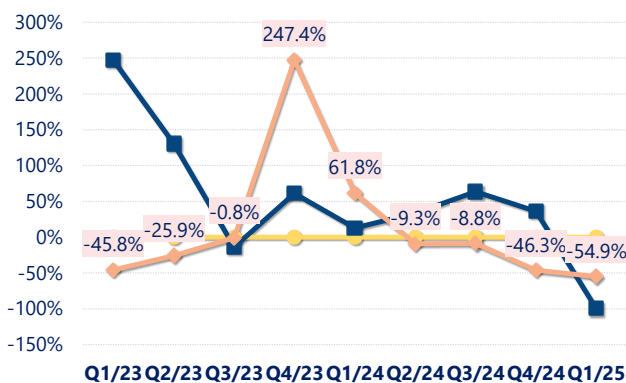


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

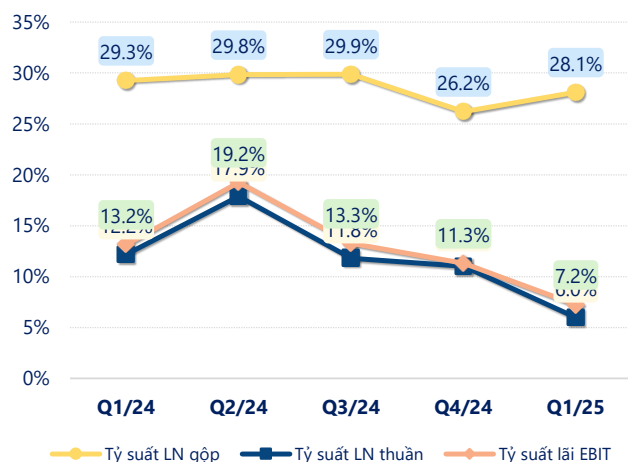


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

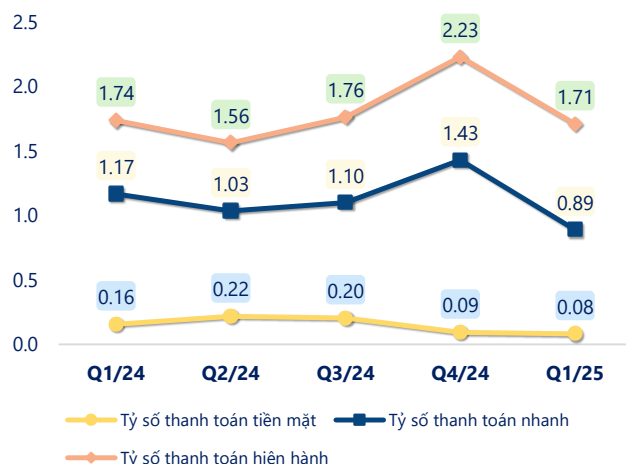


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

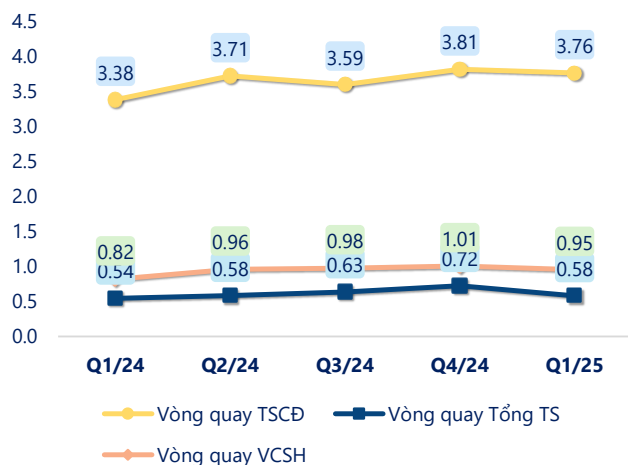


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

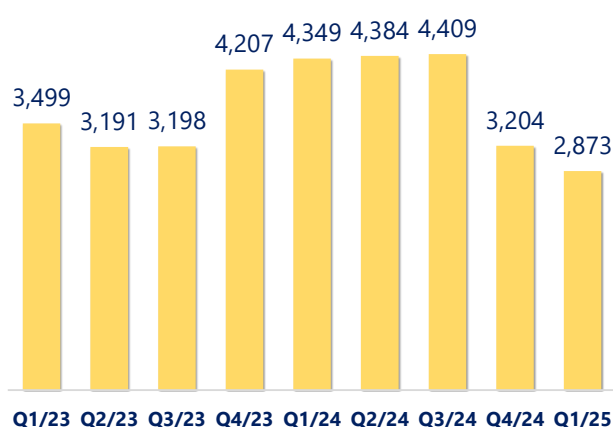


Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	52.5	68.5	-23.4%	388	302	28.5%
Giá vốn hàng bán	37.7	48.4	-22.1%	277	203	36.3%
Lợi nhuận gộp	14.8	20.0	-26.2%	111	98.8	12.5%
Doanh thu HĐTC	1.65	2.30	-28.3%	7.71	18.4	-58.1%
Chi phí TC	0.56	0.22	157%	2.82	0.86	228%
Chi phí lãi vay	0.56	0.18	213%	2.71	0.49	456%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.45	5.97	-25.5%	25.8	25.6	0.7%
Chi phí QLDN	8.25	7.79	5.9%	37.6	35.3	6.3%
LN thuần từ HĐKD	3.14	8.35	-62.4%	52.7	55.4	-4.8%
Lợi nhuận khác	0.10	0.49	-79.4%	1.29	12.3	-89.5%
LN trước thuế	3.24	8.83	-63.3%	54.0	67.7	-20.3%
Lợi nhuận sau thuế	2.46	6.86	-64.1%	42.5	54.7	-22.3%
LNST của CĐ cty mẹ	2.46	6.86	-64.1%	42.5	54.7	-22.3%

(Nguồn: fireant.vn)

